Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8434.90.00

Mã HS	8434.90.00
Mô tả hàng hóa	Máy vắt sữa và máy chế biến sữa / - Bộ phận
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 04:12:05
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84349000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13762
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13762
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13762
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13068
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13009
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13009
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13009
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13009
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13009
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13009
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13063
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13063
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13063

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13063
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13063
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13063
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13064
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13064
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13064
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13064
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13064
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13064
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13067
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13015
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13023
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13023
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13023
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13023
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13023
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13023
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13054
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13054
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13054
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13054
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13054
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13054
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13103
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13103
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13103

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13103
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13103
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13103
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13086
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13086
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13086
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13086
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13086
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13086
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13086
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13086
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13086
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13086
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13086
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13086
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13101
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13101
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13101
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13101
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13101
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13101
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13100
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13100
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13100
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13100
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13100

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13100
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13080
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13080
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13080
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13080
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13080
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13080
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13080
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13088
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13088
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13088
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13088
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13088
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13088
RCEP B	2022	2022	0	B!D13088
RCEP B	2023	2023	0	B!E13088
RCEP B	2024	2024	0	B!F13088
RCEP B	2025	2025	0	B!G13088
RCEP B	2026	2026	0	B!H13088
RCEP B	2027	2027	0	B!I13088
RCEP C	2022	2022	0	C!D13088
RCEP C	2023	2023	0	C!E13088
RCEP C	2024	2024	0	C!F13088
RCEP C	2025	2025	0	C!G13088
RCEP C	2026	2026	0	C!H13088
RCEP C	2027	2027	0	C!I13088

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D13087
RCEP D	2023	2023	0	D!E13087
RCEP D	2024	2024	0	D!F13087
RCEP D	2025	2025	0	D!G13087
RCEP D	2026	2026	0	D!H13087
RCEP D	2027	2027	0	D!I13087
RCEP E	2022	2022	0	E!D13091
RCEP E	2023	2023	0	E!E13091
RCEP E	2024	2024	0	E!F13091
RCEP E	2025	2025	0	E!G13091
RCEP E	2026	2026	0	E!H13091
RCEP E	2027	2027	0	E!I13091
RCEP F	2022	2022	0	F!D13088
RCEP F	2023	2023	0	F!E13088
RCEP F	2024	2024	0	F!F13088
RCEP F	2025	2025	0	F!G13088
RCEP F	2026	2026	0	F!H13088
RCEP F	2027	2027	0	F!I13088
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12140
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12140
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12140
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12140

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8434.90.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8434.90.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8434.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8434.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13762), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.